

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 237/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Phạm Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 239/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; căn cước công dân số: 031174004225; nơi cư trú: Thôn Kỳ Sơn 9, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1971; căn cước công dân số: 031071014542; nơi cư trú: Thôn Kỳ Sơn 9, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 18 tháng 5 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng ngày 30/12/2002. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, bất đồng quan điểm trong lao động làm ăn kinh tế. Anh Toàn thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị Nhẫn. Do mâu thuẫn chị và anh Toàn đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị Nhẫn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T. Chị và anh Bùi Văn T có 03 con chung tên Bùi Văn Chung, sinh ngày 15/9/1991; Bùi Văn Thông, sinh ngày 14/01/1995; Bùi Ngọc Hoàn, sinh ngày 01/6/2011. Khi ly hôn chị Nhẫn đồng ý để anh Toàn trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Ngọc Hoàn. Con chung tên Bùi Văn Chung và Bùi Văn Thông đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Nhẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do chị và anh Toàn tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại Thôn Kỳ Sơn 9, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn T không hợp tác. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Bùi Văn T nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Toàn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T. Giao con chung tên Bùi Ngọc Hoàn, sinh ngày 01/6/2011 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung tên Bùi Văn

Chung, sinh ngày 15/9/1991; Bùi Văn Thông, sinh ngày 14/01/1995 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Nhẫn không yêu cầu Toà án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin cư trú; Đơn nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/12/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất, thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị Nhẫn và anh Toàn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Bùi Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, không thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T có 03 con chung tên Bùi Văn Chung, sinh ngày 15/9/1991; Bùi Văn Thông, sinh ngày 14/01/1995; Bùi

Ngọc Hoàn, sinh ngày 01/6/2011. Xét con chung hiện đang ăn ở chung sống ổn định cùng anh Toàn và vẫn đảm bảo về mọi mặt. Khi ly hôn chị Nhẫn cũng đồng ý để anh Toàn trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Ngọc Hoàn. Con chung tên Bùi Văn Chung và Bùi Văn Thông đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Nhẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung tên Bùi Ngọc Hoàn cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với nguyện vọng của con chung và các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác chưa có lời khai của anh Bùi Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T
2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Ngọc Hoàn, sinh ngày 01/6/2011 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006219 ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

